

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2025/DS-ST  
Ngày: 17 - 6 - 2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Ông Võ Minh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1).

Địa chỉ: G L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trần Xuân H, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

**Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:** Ông Lâm Bách T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S - Phòng G (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1966 (có đơn đề nghị vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Bách T là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/7/2023, ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: K.0069/123 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 “tên gọi hiện

nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S” (gọi tắt là Ngân hàng), nội dung thỏa thuận như sau:

Ngân hàng cho vợ, chồng bà T2 vay số tiền là 80.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 11/7/2023); lãi suất thỏa thuận áp dụng 03 tháng đầu tiên là 13.20%/ năm, lãi suất được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ, trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 11. Ngoài ra, hai bên còn ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0176/TC23 ngày 11/7/2023 kèm theo để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Hiện nay, hợp đồng tín dụng đã quá hạn nhưng vợ, chồng bà T2 vẫn chưa thanh toán dứt nợ; khi vợ, chồng bà T2 vi phạm nghĩa vụ, phía Ngân hàng đã làm việc, thông báo việc vi phạm nghĩa vụ, chuyển nợ quá hạn; vợ, chồng bà T2 cam kết trả nợ nhưng không thực hiện đúng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Theo đơn khởi kiện: Yêu cầu ông T1 và bà T2 phải trả tiền vay còn nợ tính đến ngày 28/10/2024 tổng cộng là 84.473.863 đồng (trong đó, tiền vốn là 80.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.473.863 đồng). Tuy nhiên, quá trình Tòa án thụ lý vụ án, vợ chồng bà T2 đã trả cho Ngân hàng được một phần tiền vay vốn là 20.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông T1 và bà T2 phải trả tiền vay vốn còn nợ là 60.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là tính đến ngày 17/6/2025 là 12.514.314 đồng, tổng cộng là 72.514.314 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng ba trăm mười bốn đồng). Đồng thời, yêu cầu phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu, ông T1 và bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0176/TC23; tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu vợ, chồng bà T2 tiếp tục trả nợ.

Trường hợp, ông T1 và bà T2 có thiện chí trả nợ, Ngân hàng đồng ý để cho ông, bà trả dần khoản nợ nêu trên, trả 07 lần, mỗi tháng trả 01 lần (06 lần đầu trả tiền vốn, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và lần cuối trả đủ tiền lãi còn nợ).

*Bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn:*

Vợ, chồng bà có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng là đúng. Bà thống nhất theo lời trình bày của Ngân hàng về các thỏa thuận trong hợp đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng; vợ, chồng bà còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 72.514.314 đồng là đúng.

Tại phiên tòa, bà đồng ý trả hàng tháng khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, theo ý kiến của Ngân hàng. Nếu vi phạm bà đồng ý để Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định, tài sản thế chấp vợ, chồng bà quản lý.

*Theo đơn đề nghị, ông Lê Văn T1 là bị đơn trình bày:*

Ông thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án là đúng, do đi lại khó khăn nên đề nghị được vắng mặt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng, mặc dù mục đích cho vay bổ sung vốn kinh doanh nhưng ông T1, bà T2 vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn T1 là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà T2 thừa nhận nợ, chồng bà còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 72.541.314 đồng. Đồng thời, hai bên thỏa thuận được thời gian và phương thức trả nợ, cụ thể: Ngân hàng đồng ý để cho ông T1 và bà T2 trả dần khoản nợ nêu trên, trả 07 lần, mỗi tháng trả 01 lần, lần đầu trả nợ ngày 20/7/2025, các lần trả nợ tiếp theo trả vào ngày 20 hàng tháng (06 lần đầu trả tiền vốn, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng; lần cuối trả đủ tiền lãi 12.541.341 đồng và tiền lãi phát sinh).

Tuy nhiên, ông Lê Văn T1 là bị đơn vắng mặt nên không thể ban hành quyết định công như sự thỏa thuận của các đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của hai bên về sự thỏa thuận trả nợ nêu trên.

Xét thấy, ý kiến của ông T1 theo văn bản đề nghị, hoàn toàn phù hợp với sự thừa nhận nợ của bà T2 tại phiên hòa giải và tại phiên tòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay, các cam kết của ông T1, bà T2).

Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 317, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T1 và bà T2. Buộc ông T1 và bà T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 72.541.314 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm mười bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 12.541.341 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2025), ông T1 và bà T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: K.0069/123 ngày 11/7/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông T1, bà T2 không trả khoản nợ nêu trên hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0176/TC23 ngày 11/7/2023; khi ông T1 và bà T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 145667 do ông Lê Văn T1 đứng tên.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 - 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.110.000 đồng (hai triệu một trăm mười nghìn đồng), do ông Lê Việt N thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008974 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông T1 và bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là:  $72.541.314 \text{ đồng} \times 5\% = 3.627.065 \text{ đồng}$ , tính tròn là 3.627.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 317, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Khoản 2 - 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đối với ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông T1 và bà T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền tổng cộng là 72.541.314 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm mười bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 12.541.314 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2025), ông T1 và bà T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: K.0069/123 ngày 11/7/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông T1, bà T2 không trả khoản nợ nêu trên hoặc trả không đủ, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: Thửa đất số 368-b, 368-b1, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang và tài sản gắn liền với đất (nếu có), theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0176/TC23 ngày 11/7/2023; khi ông T1 và bà T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 145667 do ông Lê Văn T1 đứng tên. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông T1 và bà T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1, địa chỉ: A P, phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.110.000 đồng (hai triệu một trăm mười nghìn đồng), do ông Lê Việt N thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0008974 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.267.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

**3. Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S và bà Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2025); ông Lê Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Thi hành án huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**